

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26-7-2022

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Chính.

2. Bà Lâm Thị Loan Em.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2022, về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 1, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 16/5/2022, biên bản lời khai ngày 15/6/2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích N trình bày: Bà và anh T tự nguyện kết hôn, đã đăng ký kết hôn và được UBND thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 78 ngày 30/5/2017. Vợ chồng có một người chung là Trần Nguyễn Thảo A, sinh ngày 08/11/2017. Quá trình chung sống phát sinh mâu

thuần do anh T ham chơi, không làm việc và không chăm lo cho gia đình, nhiều lần khuyên không được nên bà mang con về nhà mẹ ruột sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay đã bốn năm và không liên lạc với nhau, anh T không đến thăm con. Bà yêu cầu ly hôn với anh T và yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn T vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N được ly hôn với ông Trung, giao con chung là Trần Nguyễn Thảo A cho chị N nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn có nơi cư trú tại thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết là đúng theo qui định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, bị đơn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự

[2] Về hôn nhân: Chị N và anh T tự nguyện kết hôn, đến ngày 30/5/2017 thì đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn L cấp giấy chứng nhận kết hôn số 78 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình, chị N có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét thấy, giữa vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và sống chung với nhau nhưng qua xác minh hôn nhân của hai người không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân thời gian dài (b1 33-34). Chị N giữ nguyên yêu cầu ly hôn, anh T đã được thông báo về việc chị N khởi kiện yêu cầu ly hôn nhưng không có ý kiến đối với vấn đề hôn nhân của mình và không tham gia hòa giải tại tòa đã cho thấy mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N được ly hôn với anh T theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị N và anh T có một người con chung là Trần Nguyễn Thảo A, sinh ngày 08/11/2017. Xét thấy, cháu Thảo A do chị N và mẹ ruột chăm sóc, nuôi dưỡng từ khi vợ chồng ly thân và có yêu cầu nuôi con chung khi ly hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu A cho chị N trực tiếp nuôi con chung theo

quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con, chị N không yêu cầu và Tòa án không ghi được ý kiến tự nguyện anh T nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích N phải chịu theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[6] Qua phân tích như trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện Thanh Trì là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích N được ly hôn với anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Nguyễn Thảo A, sinh ngày 08/11/2017 cho chị Nguyễn Thị Bích N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Anh Trần Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

3. Tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số biên lai thu số 0001307 ngày 16/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, chị N đã nộp xong án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được thông báo chấp hành) để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- UBND thị trấn L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Mai